TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚ MỸ** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2018/HNGĐ-ST
Ngày 08 - 11 - 2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Hưng.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Bà Phạm Thị Hiền.
2. Ông Đinh Công Trường.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Bùi Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 312/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2018/QĐST-HNGĐ ngày 15/10/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Ngọc T, sinh năm 1986. Địa chỉ: Tổ A, khu phố Q, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trương Quang V, sinh năm 1986. Địa chỉ: Tổ A, khu phố Q, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hoàng Thị Ngọc T trình bày:

Bà Hoàng Thị Ngọc T và ông Trương Quang V tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 162 ngày 05 tháng 11 năm 2014. Sau đám cưới bà T và ông V chung sống với gia đình chồng, vợ chồng có 01 con chung là cháu Trương Hoàng An N, sinh ngày 27/4/2015.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng từ khoảng đầu năm 2015 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông V không chịu làm ăn mà chỉ chơi bời, cờ bạc gây nợ nần và sử dụng ma túy nên dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã nhau. Từ năm 2016 cho đến nay, vợ chồng bà

T đã sống ly thân, bà về sống với cha mẹ đẻ tại tổ 4, khu phố Quảng Phú, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, ông V vẫn sống cùng cha mẹ ông V. Từ khi bà T và ông V sống ly thân thì cháu Trương Hoàng An N sống với bà T tại nhà cha mẹ bà T. Do hai gia đình gần nhau nên ông V thường xuyên đón con về nhà chơi, chăm sóc, ông V cũng có đến nhà bà T thăm con nhưng không cấp dưỡng nuôi con. Do bà đã khuyên bảo nhiều lần nhưng ông V không thay đổi mà còn dọa nạt bà nên bà không còn tình cảm gì. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T yêu cầu ly hôn với ông Trương Quang V.

Về con chung và cấp dưỡng: Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Hoàng An N đến tuổi trưởng thành. Hiện bà làm giáo viên tại trường THPT Hắc Dịch, có thu nhập ổn định mỗi tháng khoảng 7.000.000đ/tháng (Bảy triệu đồng) nên có điều kiện để chăm sóc con, không yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai và các biên bản hòa giải, ông Trương Quang V trình bày:

Về việc chung sống, đăng ký kết hôn và có con chung thì ông V xác nhận giống như bà T trình bày. Về mâu thuẫn vợ chồng như bà T trình bày là đúng. Nay bà T xin ly hôn thì ông V không đồng ý, ông V thừa nhận thời gian trước ông có chơi bời, không suy nghĩ được, không đóng góp tiền sinh hoạt gia đình, không lo lắng cho vợ con. Nay ông đã nhận thức được lỗi của mình và mong muốn có cơ hội sửa chữa, hàn gắn gia đình. Trường hợp phải ly hôn thì ông V đồng ý giao con cho bà T trực tiếp nuôi, ông V sẽ tự nguyện cấp dưỡng theo khả năng của mình. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Giữa bà Hoàng Thị Ngọc T và ông Trương Quang V có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn gia đình nên bà T nộp đơn yêu cầu ly hôn, Tòa án xác định đây là quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp nuôi con". Bị đơn có nơi cư trú tại thị xã Phú Mỹ nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Ông V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông V theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Qua thời gian quen biết và tìm hiểu nhau, đồng thời được sự đồng ý của hai bên gia đình nên ông V và bà T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật

tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện T (nay là phường P, thị xã P), tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 162 ngày 05 tháng 11 năm 2014. Vì vậy; Hội đồng xét xử thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông V là hôn nhân hợp pháp. Theo bà T trình bày, thời gian đầu vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc nhưng sau này phát sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay.

Hội đồng xét xử nhận thấy, hiện nay giữa ông V và bà T không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn chính là do ông V không chịu làm ăn mà chỉ chơi bời, cờ bạc gây nợ nần và sử dụng ma túy, xét thấy ông V không có ý thức xây dựng cuộc sống chung dẫn đến vợ chồng hay cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc nên gây căng thẳng trầm trọng tới mức không thể hàn gắn được trong quan hệ vợ chồng.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành làm việc, hòa giải để vợ chồng ông V, bà T hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng đến nay ông V không có biện pháp gì để vợ chồng đoàn tụ. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông V và bà T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, cần áp dụng các điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của bà T về việc yêu cầu được ly hôn với ông V.

[2.2] Về nuôi con chung, cấp dưỡng:

Bà T và ông V có 01 con chung là cháu Trương Hoàng An N, sinh ngày 27/4/2015. Khi ly hôn, bà T có nguyện vọng được nuôi con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, bà T hiện có việc làm, thu nhập ổn định; thực tế từ khi bà T và ông V ly thân đến nay thì cháu Nhiên sống cùng mẹ đồng thời ông V cũng có nguyện vọng giao con cho bà T trực tiếp nuôi nếu vợ chồng phải ly hôn. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Do bà T không yêu cầu cấp dưỡng nên ông V không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Ngọc T đối với ông Trương Quang V về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị Ngọc T được ly hôn với ông Trương Quang V.

2. Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung là cháu Trương Hoàng An N, sinh ngày 27/4/2015 cho bà Hoàng Thị Ngọc T trực tiếp nuôi đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Trương Quang V không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trương Quang V và bà Hoàng Thị Ngọc T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hoàng Thị Ngọc T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003808 ngày 10/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Bà Hoàng Thị Ngọc T đã nộp xong án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND Tx. Phú Mỹ;
- Chi cục THADS Tx. Phú Mỹ;
- UBND phường P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Xuân Hưng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hiền Đinh Công Trường Phạm Xuân Hưng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ly